

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 87/2019/DS-ST
Ngày: 27/6/2019
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đình Toán.
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không phải tham gia.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P.

Địa chỉ: Số 546, ấp Giồng Cát, xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Người đại diện theo pháp luật ông Trịnh Văn P – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Tiêu Trọng N – sinh năm 1980 – Chức vụ: Phó Giám đốc. Địa chỉ: ấp Đông Châu, xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2018). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng S – sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh I, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Tiêu Trọng N là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 11/5/2017, Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P có ký hợp đồng số 147/HĐSXTT với ông Lê Hoàng S về việc liên kết sản xuất và tiêu thu lúa DS1 vụ Hè thu năm 2017. Sau khi ký hợp đồng Công ty có cho ông S tạm ứng số tiền 42.500.000 đồng và cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu với tổng trị giá là 91.940.000 đồng, tổng số tiền ông S nợ công ty là 134.440.000 đồng. Ông S có tạm trả cho Công ty được tổng số tiền 16.000.000 đồng, còn nợ lại là 118.440.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 28/8/2017 đến ngày 12/9/2017 ông S có giao số lúa cho Công ty được $35.393\text{kg} \times 5.600\text{đồng/kg} = 198.200.800$ đồng, Công ty đã trả cho ông S số tiền lúa là 124.773.600 đồng, Công ty còn nợ lại tiền lúa của ông S là 73.427.200 đồng.

Sau khi cân trừ tiền cung ứng phân bón và thuốc trừ sâu, ông S còn nợ lại Công ty số tiền 45.012.800 đồng làm tròn số 45.012.000 đồng.

Nay Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P yêu cầu ông Lê Hoàng S phải trả số nợ còn lại là 45.012.000đ (Bốn mươi lăm triệu không trăm mười hai nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/9/2017.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lê Hoàng S trình bày:

Ông thừa nhận năm 2017 có ký hợp đồng liên kết sản xuất lúa DS1 vụ Hè thu năm 2017 với Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P. Phía Công ty có cung cấp phân bón và thuốc trừ sâu để ông sản xuất lúa theo hợp đồng. Sau khi thu hoạch lúa ông đã bán cho Công ty theo hợp đồng. Do thiên tai (Ngập nước) và thất mùa nên ông không thể trả hết số nợ cho Công ty và còn nợ lại Công ty số tiền 45.012.000 đồng. Ông thừa nhận có ký nợ với Công ty nhưng do phía Công ty có hứa ký lại hợp đồng sản xuất lúa với ông nhưng không thực hiện nên ông đã trả lại đất thuê cho chủ đất, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, hiện đang nuôi mẹ già và cháu ngoại còn nhỏ nên ông không có khả năng trả một lần hết số nợ 45.012.000 đồng, ông xin trả chậm mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 15/5/2019, phía ông S xin Công ty cho ông thời hạn, ông xin trả nợ theo vụ lúa, mỗi vụ trả 12.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Phía Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P không đồng ý với cách thanh toán nợ của ông S vì số nợ này Công ty đã cho ông S thời gian trả nợ hơn một năm nay nhưng ông S không thực hiện N vụ trả nợ. Nếu ông S đang gặp khó khăn thì Công ty cho ông S trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hòa giải phải trả hết số nợ cùng lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P yêu cầu ông S trả hết số nợ 45.012.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/9/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Lê Hoàng S có nơi cư trú tại ấp Kinh I, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với giao dịch mua bán tài sản giữa Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P và ông Lê Hoàng S được thực hiện xong vào tháng 9/2017 nhưng đến nay mới có tranh chấp nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ cam kết theo hợp đồng về việc cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu và tiêu thụ lúa của ông Lê Hoàng S. Nhưng về phía ông S chưa thực hiện N vụ trả tiền đúng hạn với Công ty, nên Công ty yêu cầu ông S trả số tiền còn nợ 45.012.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật, ông S thừa nhận còn nợ Công ty số tiền trên và có làm cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Xét đến ngày 12/9/2017 là kết thúc việc thực hiện hợp đồng, nhưng ông S vẫn chưa trả số tiền còn nợ đến ngày xét xử 27/6/2019 là quá hạn 21 tháng 15 ngày. Do ông S chậm thực hiện N vụ trả tiền nên Công ty yêu cầu ông S trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định: *“1. Trường hợp bên có N vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”, “2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”*. Trong hợp đồng các bên không có thỏa thuận về lãi suất, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên lãi suất được xác định là 10%/năm tương ứng với 0.83%/tháng. Số tiền lãi được tính là 45.012.000 đồng x 21 tháng 15 ngày x 0.83%/tháng = 8.032.391 đồng. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi ông S phải trả cho Công ty là 45.012.000 đồng + 8.032.391 đồng = 53.044.391đ (Năm mươi ba triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi một đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông S bị buộc trả tiền nên phải chịu án phí sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả. Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 430, 434, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P. Buộc ông Lê Hoàng S phải trả cho Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P số tiền cả gốc và lãi là 53.044.391đ (Năm mươi ba triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi một đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông S không thực hiện N vụ thi hành án thì ông S còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Hoàng S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.652.219đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng).

Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004359 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH MTV Trịnh Văn P và ông S được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/6/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho